TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06 /2024/ DS-ST
Ngày: 04 - 01 -2024
V/v tranh chấp Hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**
2. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**
- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Bà **HUỲNH THỊ CẨM**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 501/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 291 /2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc A,** sinh năm 1961.
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Lê Thị Thanh T(tên thường gọi T)**, sinh năm 1986.
Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1963
Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà A xin vắng mặt; chị T, bà M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A tại đơn khởi kiện trình bày: Bà tham gia các dây hụi do chị Thảo và bà M làm đầu thảo cụ thể sau:

+ **Dây 1**: Hụi mùa khui ngày 25/02/2020 âm lịch, hụi 3.000.000đồng, gồm 14 phần, bà tham gia 01 phần, tên trong giấy hụi là Bác 3, đã đóng hụi đến kỳ thứ 12 số tiền là 36.000.000đồng thì bể hụi.

+ **Dây 2**: Hụi mùa khui ngày 10/10/2020 âm lịch, hụi 3.000.000đồng, gồm 13 phần, bà tham gia 01 phần, đã đóng hụi đến kỳ thứ 09 số tiền là 27.000.000đồng thì bể hụi.

+ **Dây 3**: Hụi mùa khui ngày 30/01/2021 âm lịch, hụi 3.000.000đồng, gồm 14 phần, bà tham gia 02 phần, đã đóng hụi đến kỳ thứ 08 số tiền là 48.000.000đồng thì bể hụi.

+ **Dây 4**: Hụi mùa khui ngày 20/02/2022 âm lịch, hụi 3.000.000đồng, gồm 11 phần, bà tham gia 01 phần, đã đóng hụi đến kỳ thứ 04 số tiền là 12.000.000đồng thì bể hụi.

Bà yêu cầu bà M, chị T trả bà 123.000.000đồng tiền hụi.

Tại phiên hòa giải bà A yêu cầu chị T, bà M trả bà số tiền hụi là 100.000.000đồng, mỗi tháng trả 4.000.000đồng hoặc trả làm 01 lần.

- Bị đơn chị Lê Thị Thanh T(T) trình bày: Chị thừa nhận các dây hụi và số tiền bà A yêu cầu là đúng. Tất cả dây hụi do chị tổ chức, bà M là mẹ chồng giúp chị khui hụi, nhận tiền khi chị nhờ. Chị đồng ý trả cho bà A 100.000.000đồng tiền hụi nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà không có tổ chức chơi hụi mà con dâu bà chị T tổ chức. Những khi con dâu bà có việc không về kịp thì bà khui hụi dùm, ai có gởi đóng hụi thì bà nhận dùm. Bà đồng ý cùng chị T trả cho bà A 100.000.000đồng tiền hụi nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, đương sự, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hụi. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng góp hụi theo qui định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự thay đổi yêu cầu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà A chỉ yêu cầu bà M, chị T trả 100.000.000đồng tiền hụi. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự theo qui định tại điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[1.4] Sự vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A có đơn xin vắng mặt. Đối với bị đơn đã được triệu tập xét xử lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227,228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy, chị T thừa nhận có tổ chức chơi hụi, bà A là hụi viên. Trong quá trình chơi hụi chị nợ bà A 100.000.000đồng. Đối với bà M trình bày không tổ chức chơi hụi cùng chị T nhưng bà có tiến hành khui hụi và nhận tiền hụi cho chị T, bà cũng đồng ý nhận nợ và trả nợ cùng chị T. Lời thừa nhận của bị đơn là tình tiết không phải chứng minh theo qui định tại điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà M, chị T đồng ý trả 100.000.000đồng cho bà A nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Do bà M, chị T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của người tổ chức chơi hụi dẫn đến các dây hụi bị ngưng giữa chừng. Nay bà A khởi kiện chị T, bà M lại xin trả dần, việc này không được bà A chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Các bên cũng có quyền thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử buộc bà M, chị T phải trả bà A 100.000.000đồng là có cơ sở.

[3]. Án phí: Bà M, chị T phải chịu án phí theo qui định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVHU14 ngày 30/12/2016 do yêu cầu khởi kiện của bà A được chấp nhận. Bà A được miễn tiền tạm ứng án phí.

[4]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc A.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị M và chị Lê Thị Thanh T(T) phải trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc A 100.000.000đồng tiền nợ hụi.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M và chị Lê Thị Thanh T(Thảo) phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bà Ngọc A có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà M, chị T chậm thi hành số tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về thời hạn kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TRẦN TÚ ANH